

VAI TRÒ VÀ BẢN SẮC QUỐC GIA TRONG NGHIÊN CỨU QUAN HỆ QUỐC TẾ: LÝ LUẬN, THỰC TIỄN VÀ TRIỂN VỌNG

Nguyễn Hoàng Như Thanh - Hoàng Thị Phương Thảo***

Tóm tắt:

Kể từ khi được Kal Holsti giới thiệu vào năm 1970, lý thuyết vai trò không ngừng được phát triển trong ngành quan hệ quốc tế (QHQT) nói chung và phân tích chính sách đối ngoại nói riêng. Nhiều nhà nghiên cứu cho rằng lý thuyết vai trò có đóng góp lớn cho nghiên cứu thực tiễn chính sách đối ngoại cũng như tiềm năng phát triển lý luận QHQT, nhất là ở vấn đề đơn vị - cấu trúc. Tuy nhiên các nghiên cứu hiện nay chưa giải quyết được một cách triệt để vấn đề này do thiếu sự phân định giữa yếu tố đơn vị và cấu trúc của khái niệm vai trò. Bài viết đề xuất cách tiếp cận lý thuyết bản sắc - vai trò trong đó làm rõ mối quan hệ biện chứng của vai trò và bản sắc, qua đó hứa hẹn đóng góp cho sự phát triển lý luận QHQT.

Từ khóa: lý thuyết vai trò, bản sắc quốc gia, đơn vị - cấu trúc

Mở đầu

Lý thuyết vai trò được phát triển trong ngành xã hội học, tâm lý học từ những thập niên đầu thế kỷ XX và lần đầu tiên được giới thiệu cho ngành QHQT bởi K. J. Holsti trong bài viết kinh điển xuất bản năm 1970 có tên “National Role Conceptions in the Study of Foreign Policy” (Nhận thức quốc gia về vai trò trong nghiên cứu chính sách đối ngoại). Kể từ đó, lý thuyết vai trò trong QHQT không ngừng được phát triển, trở thành một nhánh nghiên cứu khá sôi động của chuyên ngành Phân tích

chính sách đối ngoại nói riêng và QHQT nói chung. Bài viết dưới đây đề xuất cách tiếp cận lý thuyết bản sắc - vai trò như là một nỗ lực phát triển lý luận, theo đó vai trò là một yếu tố cấp độ hệ thống còn bản sắc là một đặc tính đơn vị. Tương tác giữa bản sắc và vai trò có tính tương sinh, biểu hiện cho mối quan hệ biện chứng của đơn vị và cấu trúc. Với mục tiêu này, bài viết được chia thành ba phần chính. Phần thứ nhất sẽ giới thiệu một số khái niệm chính cũng như tiềm năng đóng góp của lý thuyết vai trò về thực tiễn và lý thuyết. Trong phần thứ hai, bài viết phác thảo cách tiếp cận phân tách bản sắc - vai trò và minh họa bằng nghiên cứu trường hợp của nước Đức và Pháp trong EU. Phần thứ ba sẽ trình bày một số triển vọng của cách tiếp cận mới.

Lý thuyết vai trò và quan hệ quốc tế

Một số khái niệm chính

Vai trò (role): về khái niệm, Holsti coi vai trò là “định nghĩa của nhà hoạch định chính sách về kiểu quyết định, cam kết, quy tắc và hành vi phù hợp với quốc gia của họ và với chức năng mà quốc gia của họ nắm giữ một cách ổn định trong hệ thống quốc tế”.¹ Năm 1970, Kal Holsti đã liệt kê 17 loại vai trò của chủ thể quốc gia: thành trì cách mạng - giải phóng (bastion of revolution - liberator), lãnh đạo khu vực (regional leader), lãnh đạo phe khối (leader of bloc), nhà hòa giải - hội nhập (mediator-integrator), vai trò độc lập (independent), bảo vệ đức tin (defender of the faith), chống chủ nghĩa đế quốc (anti-imperialist agent), bảo vệ hòa bình (protector of peace), đối tác hợp tác tiểu hệ thống khu vực (regional subsystem collaborator), ủng hộ nguyên trạng (supporter of the status quo), vai trò phát triển (developer), cầu nối (bridge), đồng

* TS., Giảng viên Học viện Ngoại giao

** NCS., Đại học Laval (Ca-na-đa).

¹ K. J. Holsti, “National Role Conceptions in the Study of Foreign Policy,” *International Studies Quarterly* 14, no. 3 (1970): 245-46.

minh đáng tin cậy (faithful ally), vai trò phát triển nội bộ (internal developer), cô lập (isolate), vùng đệm (buffer), và vai trò khác.²

Tiếp nối Holsti, nhiều thế hệ học giả QHQT đã phát triển khái niệm vai trò. Walker định nghĩa vai trò là “tập hợp những hành vi được suy ra từ kỳ vọng của người khác và quan niệm của chính chủ thể, và được lựa chọn ít nhất một phần dựa trên các tín hiệu và yêu cầu.”³ Harnisch xem vai trò là “vị trí xã hội hay danh mục các chủ thể được thừa nhận về mặt xã hội vốn được cấu thành bởi kỳ vọng của bản thân và người khác có liên quan tới mục đích của chủ thể trong một nhóm có tổ chức”.⁴ Tựu trung lại, các định nghĩa về vai trò đều liên quan đến (i) vị trí, chức năng của quốc gia trong hệ thống quốc tế và (ii) tập hợp các kỳ vọng về hành vi của quốc gia đến từ chính quốc gia đó và quốc gia khác.

Quan niệm quốc gia về vai trò: quan niệm quốc gia về vai trò bao gồm định nghĩa của các nhà hoạch định chính sách về các loại quyết định, cam kết, quy tắc và hành động phù hợp với quốc gia của họ; và quan niệm về vai trò nước họ nên liên tục thực hiện trong hệ thống quốc tế hoặc các hệ thống hẹp hơn. Quan niệm này bị chi phối bởi các yếu tố nội tại như văn hóa, lịch sử, chính trị, giới lãnh đạo cũng như các yếu tố bên ngoài như tình hình thế giới và khu vực, quan hệ và kỳ vọng của các quốc gia khác... Mỗi chủ thể có thể có nhiều quan niệm quốc gia về vai trò như vừa là nhà lãnh đạo khu vực vừa là cường quốc tầm trung toàn cầu. Các nghiên cứu về quan niệm quốc gia về vai trò thường tập trung phân tích nhận thức của giới lãnh đạo như một nguồn quan trọng cho việc xác định vai trò của quốc gia trên trường quốc tế.

² Holsti, “National Role Conceptions in the Study of Foreign Policy.”

³ Stephen G. Walker, *Role Theory and Foreign Policy Analysis* (Durham N.C.: Duke University Press, 1987), 23.

⁴ Sebastian Harnisch, Cornelia Frank, and Hanns W. Maull, eds., *Role Theory in International Relations: Approaches and Analyses*, 1st edition (New York: Routledge, 2011), 8.

Thực hiện vai trò: là cách thức một quốc gia thực hiện những hành vi tương ứng với vai trò của mình trên trường quốc tế, dựa trên nhận thức từ bên trong quốc gia (quan niệm quốc gia về vai trò) và/hoặc kỳ vọng từ các chủ thể khác trong hệ thống. Khi thực hiện một vai trò, quốc gia sẽ cố gắng đáp ứng các kỳ vọng từ bên trong (bản thân) và từ bên ngoài (người khác) thông qua những chính sách đối ngoại phù hợp.

Xung đột vai trò: xung đột vai trò có thể phát sinh khi quan niệm quốc gia về vai trò xung đột với kỳ vọng về hành vi đến từ bên ngoài (chủ thể khác) hoặc quốc gia đó được kỳ vọng phải hoàn thành nhiều vai trò không tương thích cùng một lúc. Chẳng hạn, một quốc gia có vai trò “người bảo vệ nhân quyền” nhưng phải duy trì quan hệ với các quốc gia vi phạm nhân quyền để thực hiện vai trò “đồng minh” với các nước đó.

Thay đổi vai trò: sự thay đổi vai trò có thể xảy ra khi quốc gia đảm nhận vị trí hoặc chức năng mới trong hệ thống quốc tế, bắt nguồn từ sự phát triển trong sức mạnh tổng hợp của quốc gia, biến đổi trong nhận thức về bản sắc trong nước cũng như từ thay đổi phân bổ lực lượng của hệ thống. Ví dụ, sự trỗi dậy của Trung Quốc như một cường quốc toàn cầu đã dẫn đến sự thay đổi đáng kể trong nhận thức nội tại của nước này cũng như kỳ vọng từ các chủ thể khác về vai trò của Trung Quốc trong hệ thống quốc tế, các tổ chức quốc tế và quản trị toàn cầu.

Lý thuyết vai trò được áp dụng trước hết để nghiên cứu và giải thích chính sách đối ngoại của các quốc gia. Theo lý thuyết này, chính sách đối ngoại của một quốc gia phụ thuộc trước hết vào quan niệm của quốc gia đó về vai trò của mình trên trường quốc tế. Nhận thức này bị ảnh hưởng từ văn hóa, lịch sử, hệ thống chính trị bên trong quốc gia và cá nhân nhà lãnh đạo. Chẳng hạn, một quốc gia định vị bản thân là “nhà lãnh đạo toàn cầu” có thể sẽ thực thi chính sách đối ngoại ủng hộ chủ nghĩa đa phương, tìm kiếm vai trò lãnh đạo trong các vấn đề toàn cầu như biến đổi khí hậu hoặc gìn giữ hòa bình (trường hợp Ca-na-đa).

Ngược lại, một quốc gia tự nhìn nhận là “trung lập” như Thụy Sĩ sẽ theo đuổi chính sách không can thiệp và trung gian hòa giải.

Bên cạnh đó, quốc gia tồn tại và tương tác qua lại với nhau, do đó vai trò quốc gia không chỉ được xác định bởi nhận thức nội tại của chủ thể mà còn phụ thuộc vào kỳ vọng bên ngoài đến từ các quốc gia khác trong hệ thống quốc tế. Lý thuyết vai trò nghiên cứu cách thức quá trình xã hội hóa (socialization) tác động lên chính sách đối ngoại, khi các quốc gia học hỏi và thực hiện những hành vi đối ngoại phù hợp với kỳ vọng từ cộng đồng quốc tế như các quốc gia khác hoặc các tổ chức quốc tế. Trên thực tế, chính sách đối ngoại của Đức sau Chiến tranh thế giới thứ hai minh họa rõ nét cho tiến trình xã hội hóa này. Đoạn tuyệt với quá khứ phát xít, Đức đã xác định vai trò quốc gia của mình là “cường quốc dân sự”, tập trung vào các biện pháp ngoại giao, gìn giữ hòa bình và hợp tác phát triển ở châu Âu và trên toàn cầu. Sự thay đổi này chịu ảnh hưởng lớn bởi kỳ vọng từ các đồng minh trong EU và NATO.⁵

Vấn đề đơn vị - cấu trúc và lý thuyết vai trò

Bên cạnh phân tích thực tiễn chính sách đối ngoại, lý thuyết vai trò còn có tiềm năng đóng góp cho cuộc tranh luận lý thuyết về chủ đề cấu trúc và đơn vị. Trong xã hội học, chủ đề này tập trung thảo luận về mối liên hệ giữa đơn vị và cấu trúc: cái nào có trước cái nào?; cái nào quyết định cái nào?⁶ Các nhà xã hội học thống nhất rằng đơn vị và cấu trúc tạo thành một chỉnh thể thống nhất và tác động qua lại lẫn nhau. Tuy nhiên họ bất đồng về tầm quan trọng của cái này đối với cái kia. Nếu cho rằng đơn vị quyết định cấu trúc, thì nhà nghiên cứu sẽ lý thuyết hóa “từ dưới lên” (bottom-up); và “từ trên xuống” (top-down) trong trường hợp ngược

⁵ Thomas Banchoff, “German Identity and European Integration,” *European Journal of International Relations* 5, no. 3 (1/9/1999): 259-89.

⁶ Xem thêm Anthony Giddens, *The Constitution of Society: Outline of a Theory of Structuration* (Berkeley: University of California Press, 1984).

lại. Kenneth Waltz là một trong những tác giả đầu tiên phân biệt các lý thuyết QHQT theo ba cấp độ phân tích cá nhân, quốc gia và hệ thống. Từ đó ông cổ vũ cho cách giải thích cấu trúc (systemic) từ trên xuống, thay vì cách tiếp cận giản lược (reductionist) từ dưới lên ở cấp độ đơn vị. Đến thập niên 1990, học giả kinh điển của chủ nghĩa kiến tạo, Alexander Wendt cho rằng lý thuyết hiện thực cấu trúc của Waltz không thực sự mang tính “cấu trúc” vì đã không giải quyết thấu đáo mối liên hệ biện chứng giữa cấu trúc và đơn vị. Cách tiếp cận “cấu trúc” của Waltz vẫn phải dựa vào giả định về tính duy lý và lợi ích an ninh của quốc gia, hàm ý rằng đơn vị vẫn phải có trước cấu trúc và quyết định cấu trúc. Do đó, theo Wendt thì chủ nghĩa hiện thực cấu trúc của K. Waltz rốt cuộc vẫn mang tính đơn vị với lối giải thích từ dưới lên.⁷

Trong bối cảnh đó, Wendt đề xuất cách tiếp cận biện chứng về cấu trúc - đơn vị. Theo ông, quan hệ cấu trúc - đơn vị không có tính nhân quả (causal) mà tương sinh (constitutive). Hệ thống được tạo thành bởi hành vi của các đơn vị, nếu không có hành vi của đơn vị thì không có gì tồn tại trên thực tế. Ngược lại, đơn vị không thực hiện hành vi hoàn toàn theo tự do ý chí của mình, mà dựa trên những nhận thức chung được chia sẻ về bản chất của hệ thống và các đơn vị. Như vậy, yếu tố quyết định đối với sự tồn tại của hệ thống và hành vi của đơn vị chính là phân bố tri thức (distribution of knowledge), thay vì phân bố quyền lực (distribution of power) như luận điểm của Waltz.⁸ Wendt tuyên bố rằng “vô chính phủ là những gì các quốc gia tạo nên.” Vô chính phủ không bất biến mà phụ thuộc vào phân bố tri thức về vai trò của các quốc gia trong hệ thống. Tương ứng với mỗi loại vai trò của quốc gia sẽ có các dạng vô chính phủ khác nhau: vai trò “kẻ thù” - vô chính phủ kiểu Hobbes (chủ nghĩa hiện

⁷ Nguyễn Hoàng Như Thanh, “Sự thống nhất của các trường phái lý luận quan hệ quốc tế: Mô hình duy lý về hành vi quốc gia,” *Nghiên cứu Quốc tế* 104, số 1 (3/2016).

⁸ Alexander Wendt, *Social Theory of International Politics* (Cambridge: Cambridge University Press, 1999), chapter 4.

thực), vai trò “đôi thủ” - vô chính phủ kiểu Locke (chủ nghĩa tự do), vai trò “bạn bè” - vô chính phủ kiểu Kant (chủ nghĩa kiến tạo).⁹

Từ cách tiếp cận của Wendt, có thể rút ra hai nhận xét như sau:

Thứ nhất, có thể thấy Wendt đã đề cập đến khái niệm “vai trò” trong lý thuyết của mình. Khái niệm vai trò và bản sắc của Wendt có liên kết rất chặt chẽ với nhau. Wendt định nghĩa bản sắc là một đặc trưng có tính chủ quan (subjective) của đơn vị, liên quan đến cách thức chủ thể nhìn nhận về bản thân mình. Bên cạnh đó, nhận thức chủ thể này cũng phụ thuộc vào nhận thức của chủ thể khác, do đó bản sắc còn có tính liên chủ quan (intersubjective) của cấp độ hệ thống. Wendt chia bản sắc quốc gia thành 4 loại: nội tại (personal/corporate identity), loại hình (type identity), vai trò (role identity) và tập thể (collective identity).¹⁰

Định nghĩa bản sắc của Wendt có tính liên chủ quan, dựa vào đặc trưng nội tại của chủ thể và sự tương tác có tính tương sinh với chủ thể khác. Như vậy, bản sắc vừa có tính đơn vị vừa có tính cấu trúc. Tuy nhiên, lập luận của Wendt nhấn mạnh hơn đến phần tương tác liên chủ quan và sự phụ thuộc vào nhận thức của người khác. Theo Wendt, *loại bản sắc có tính chủ quan nhất là bản sắc nội tại và loại hình*. Thế nhưng đặc trưng nội tại chỉ trở thành bản sắc chủ thể khi tương ứng với nhận thức xã hội.¹¹

Nhìn chung, bản sắc trả lời cho câu hỏi “tôi là ai”, còn vai trò trả lời cho câu hỏi “tôi nên/phải làm gì”. Bản sắc có tính hướng nội, còn vai trò có tính hướng ngoại. Cả bản sắc và vai trò đều được kiến tạo xã hội và được định hình bởi sự tương tác tương sinh (constitutive) với các chủ thể khác. Thậm chí, Wendt còn cho rằng vai trò chính là bản sắc được cụ thể hóa thành hành động, vì vậy vai trò cũng là một phần của bản sắc (role

⁹ Alexander Wendt, “Anarchy Is What States Make of It: The Social Construction of Power Politics,” *International Organization* 46, no. 2 (1992): 391-425.

¹⁰ Wendt, *Social Theory of International Politics*, 224-30.

¹¹ Như trên, 225-26.

identity).¹² Có thể thấy, xét đến cùng khái niệm bản sắc của Wendt mang nặng tính cấu trúc và không tách bạch với vai trò chủ thể trong hệ thống.

Thứ hai, mặc dù được kiến tạo xã hội và phụ thuộc vào sự tương tác giữa các đơn vị, hệ thống quốc tế trong lý thuyết của Wendt lại mang tính tĩnh (static), khó có thể thay đổi. Dạng vô chính phủ của hệ thống quốc tế chỉ thay đổi khi quốc gia thay đổi nhận thức về vai trò của bản thân và quốc gia khác, mà điều này lại phụ thuộc vào phân bố tri thức của cấu trúc hệ thống quốc tế. Cấu trúc nhận thức có đặc điểm xã hội hóa cao độ, khi tham gia vào hệ thống quốc tế, các quốc gia sẽ phải học hỏi, thích nghi và nội tại hóa (internalize) các kỳ vọng từ bên ngoài. Do đó, việc quốc gia thay đổi nhận thức và hành vi của mình, từ đó thay đổi cả cấu trúc nhận thức của hệ thống gần như là không thể. Luận điểm này của Wendt đã bị phê phán tương đối mạnh mẽ.¹³ Nói tóm lại, nếu như chủ nghĩa hiện thực cấu trúc của Waltz đứng về phía đơn vị khi cho rằng đơn vị phải có trước cấu trúc; thì chủ nghĩa kiến tạo của Wendt lại nằm ở phía hệ thống vì hàm ý rằng không đơn vị nào có thể tồn tại bên ngoài sự kiến tạo xã hội của cấu trúc. Sự kiến tạo xã hội không phản ánh được hết tính biện chứng trong mối quan hệ đơn vị - cấu trúc của hệ thống xã hội nói chung và hệ thống quốc tế nói riêng.

Lý thuyết vai trò có tiềm năng lớn để làm cầu nối giữa cấp độ đơn vị và cấu trúc. Để làm được điều đó, về mặt lý thuyết cần phân tách hai khái niệm bản sắc và vai trò. Phần tiếp theo của bài viết này lập luận rằng bản sắc trước hết là nhân tố nội tại của quốc gia, giúp quốc gia trả lời câu hỏi “tôi là ai” dựa trên những nguồn bên trong như lịch sử, truyền thống, văn hóa, địa lý... Tuy nhiên, khác với quan điểm của Wendt theo đó bản sắc được kiến tạo xã hội thông qua sự tương tác với môi trường

¹² Như trên, 227.

¹³ Xem thêm Stefano Guzzini and Anna Leander, eds., *Constructivism and International Relations: Alexander Wendt and His Critics*, 1st ed. (London New York: Routledge, 2006).

bên ngoài, người viết cho rằng bản sắc quốc gia có tính bền vững và khó thay đổi hơn, do được kết tinh qua lịch sử và truyền thống lâu dài của dân tộc. Còn vai trò trước hết là một yếu tố cấu trúc, một bộ phận của phân bố tri thức trong hệ thống. Vai trò là tập hợp những kỳ vọng về hành vi phù hợp tương ứng với vị trí và chức năng của quốc gia trong trật tự quốc tế. Tập hợp kỳ vọng đến từ phía bản thân quốc gia và các quốc gia khác. Sự tương tác giữa bản sắc (nhân tố nội tại của đơn vị) và vai trò (yếu tố cấu trúc) chính là cây cầu nối trong cuộc tranh luận đơn vị - cấu trúc.

Bản sắc và vai trò quốc gia trong quan hệ quốc tế

Cách tiếp cận lý thuyết bản sắc - vai trò

Những phát triển mới nhất trong lý thuyết vai trò trên thế giới bắt đầu tập trung vào khía cạnh này. Giai đoạn đầu tiên, các nhà nghiên cứu vai trò trong chính sách đối ngoại tập trung chủ yếu phân tích các nhân tố nội tại trong việc định hình vai trò của quốc gia trên trường quốc tế. Có thể kể ra các tác giả như K. Holsti (1970), Walker (1987), Le Prestre (1997).¹⁴ Sang giai đoạn hậu Chiến tranh Lạnh, yếu tố kỳ vọng từ bên ngoài đối với vai trò quốc gia được chú trọng nghiên cứu nhiều hơn với các tác giả tiêu biểu như Chafetz (1996), Maull (2000), Hollis và Smith (1990), như trên đã phân tích, phần nào đây là Alexander Wendt (1999).¹⁵ Thế hệ các nhà

¹⁴ K. J. Holsti, "National Role Conceptions in the Study of Foreign Policy," *International Studies Quarterly* 14, no. 3 (1970): 233-309; Stephen G. Walker, *Role Theory And Foreign Policy Analysis* (Durham N.C.: Duke University Press, 1987); Philippe G. Le Prestre, *Role Quests in the Post-Cold War Era: Foreign Policies in Transition*, 1st ed. (Montreal: McGill-Queen's University Press, 1997).

¹⁵ Martin Hollis and Steve Smith, "Beware of the Gurus: Structure and Action in International Relations," *Review of International Studies* 17, no. 4 (1991): 393-410; Glenn Chafetz, Hillel Abramson, and Suzette Grillot, "Role Theory and Foreign Policy: Belarussian and Ukrainian Compliance with the Nuclear Nonproliferation Regime," *Political Psychology*, 1996, 727-57; Hanns W. Maull, "German Foreign Policy Post Kosovo: Still a 'Civilian Power?'," *German Politics* 9, no. 2 (August 2000): 1-24;

nghiên cứu lý thuyết vai trò trong QHQT gần đây dành sự chú ý cho sự tương tác qua lại giữa hai phần nội tại và bên ngoài thông qua việc nghiên cứu hai khái niệm vai trò và bản sắc. Các nghiên cứu tiêu biểu có thể kể đến là Dirk Nabers (2011), "Identity and role change in international politics" (Bản sắc và sự thay đổi vai trò trong chính trị quốc tế); C. G. Thies (2012) "International Socialization Processes vs. Israeli National Role Conceptions: Can Role Theory Integrate IR Theory and Foreign Policy Analysis?" (Tiến trình xã hội hóa quốc tế và nhận thức quốc gia về vai trò của Israel: liệu lý thuyết vai trò có thể tương hợp lý thuyết QHQT và Phân tích chính sách đối ngoại?"; và Cantir và Kaarbo (2012) "Contested Roles and Domestic Politics: Reflections on Role Theory in Foreign Policy Analysis and IR Theory" (Mâu thuẫn vai trò và chính trị nội địa: suy ngẫm về lý thuyết vai trò trong Phân tích chính sách đối ngoại và lý thuyết QHQT).

Trong các cuộc thảo luận lý thuyết, vai trò luôn được gắn với bản sắc. Theo Nabers, bản sắc cung cấp cho chủ thể khung tham chiếu để diễn giải tình huống xã hội và kỳ vọng hành vi tương ứng với tình huống xã hội đó. Nói cách khác, bản sắc là các đặc trưng của cá nhân trong một vai trò xã hội. Còn vai trò cụ thể hóa bản sắc trong hành động. Việc thực thi vai trò sẽ giúp củng cố và khẳng định bản sắc của chủ thể trong xã hội. Mỗi quan hệ giữa bản sắc và vai trò là quan hệ hai chiều, có tính tương sinh.¹⁶

Lập luận trên của Nabers vẫn nhấn mạnh vào mối quan hệ tương sinh của cả hai. Bản sắc là ý nghĩa chủ quan (subjective) của vai trò, còn vai trò là cơ sở liên chủ quan (intersubjective) của bản sắc. Khái niệm vai trò bổ sung nội hàm cho khái niệm bản sắc và ngược lại. Nói cách khác,

Alexander Wendt, *Social Theory of International Politics* (Cambridge: Cambridge University Press, 1999).

¹⁶ Dirk Nabers, "Identity and Role Change in International Politics," in *Role Theory in International Relations*, ed. Sebastian Harnisch, Cornelia Frank, and Hanns W Maull (Routledge, 2011), 123-25.

cái này không thể tồn tại mà không có cái kia. Sự liên kết chặt chẽ này được thể hiện trong định nghĩa của các tác giả về vai trò. Từ thể hệ tiên phong như Holsti, Walker đến thế hệ các học giả gần đây như Harnisch, Nabers đều gắn vai trò với vị trí (position), chức năng (function) hay vị thế (status) của quốc gia trong hệ thống, đi kèm với tập hợp hành vi tương ứng, thế nhưng hai khái niệm này không hoàn toàn giống nhau. Vị trí, chức năng hay vị thế gắn liền với những đặc trưng nội tại của một quốc gia cụ thể như sức mạnh tổng hợp, văn hóa, “hồ sơ” đối ngoại của quốc gia trong quá khứ; trong khi vai trò là tập hợp kỳ vọng hành vi đối với những dạng chủ thể được khái quát hóa trong nhóm hay tổ chức. Vì vậy, nhận thức vai trò có tính cấu trúc, có trước đơn vị. Vì không thể phân tách được hai khái niệm bản sắc và vai trò, nên mặc dù có tiềm năng lớn lập luận hiện nay của lý thuyết vai trò vẫn chưa giải quyết được vấn đề cấu trúc - đơn vị.

Cách tiếp cận của các tác giả bài viết này tiếp tục phát triển luận điểm của Nabers và các học giả khác, và đề xuất bổ sung sự phân tách rõ rệt hơn giữa vai trò và bản sắc quốc gia. Bản sắc trước hết là nhận thức nội tại về các đặc trưng cơ bản của quốc gia - dân tộc, là câu trả lời cho câu hỏi “Tôi/chúng ta là ai?”. Nhận thức nội tại này được định hình thông qua một lịch sử tương tác lâu dài giữa quốc gia - dân tộc với môi trường tự nhiên và xã hội. Mỗi quốc gia - dân tộc có một lãnh thổ cư trú nhất định, xác định nên môi trường tự nhiên của quốc gia - dân tộc đó. Quá trình sinh sống trong môi trường tự nhiên như vậy đã hình thành nên cách thức sinh tồn, tổ chức sản xuất và sinh hoạt riêng, góp phần định hình cách thức tư duy và nhận thức riêng biệt của quốc gia - dân tộc. Song song với đó, quốc gia - dân tộc còn tồn tại trong sự tương tác giữa những cộng đồng người bên trong và bên ngoài lãnh thổ của mình, tạo thành môi trường xã hội của quốc gia.¹⁷ Những cộng đồng tương tác này

¹⁷ Trần Ngọc Thêm, *Tìm về bản sắc văn hóa Việt Nam: Cái nhìn hệ thống - loại hình*, Lần thứ 4 (TP. HCM: Nxb. Tổng hợp TP. HCM, 2006).

đóng vai trò là những người khác quan trọng (significant others), quyết định nên bản sắc chủ thể.¹⁸ Ví dụ, dân tộc Việt Nam sinh sống ở khu vực Đông Nam Á, trên bán đảo Đông Dương với địa hình nhiều đồi núi và có hai đồng bằng lớn là Bắc Bộ và Nam Bộ. Trong môi trường tự nhiên ấy, dân tộc Việt Nam đã phát triển nền văn minh lúa nước với nhiều đặc trưng trong tư duy như: trọng tình, đoàn kết, coi trọng làng xã... Với vị trí địa chiến lược và địa chính trị giữa hai nền văn minh lớn là Ấn Độ và Trung Hoa, Việt Nam đã định hình bản sắc dân tộc trong hệ quy chiếu với hai nền văn hóa quan trọng này. Ngoài ra, do lịch sử chống ngoại xâm lâu dài, tinh thần bất khuất, độc lập, tự chủ cũng trở thành một nét tiêu biểu trong bản sắc của dân tộc Việt Nam. Điểm cần lưu ý trong khái niệm bản sắc này là, các tương tác với chủ thể khác, đặc biệt là với các người khác quan trọng, được chủ thể nội tại hóa thành những trải nghiệm, tình cảm và nhận thức của bản thân, qua đó định hình nên đặc trưng nội tại của chủ thể. Nói cách khác, bản sắc quốc gia chính là lớp trầm tích của quá trình tương tác lâu dài trong lịch sử của quốc gia - dân tộc với môi trường tự nhiên và xã hội.

Về phần mình, vai trò là tập hợp những kỳ vọng được chia sẻ về hành vi phù hợp của các dạng chủ thể được điển hình hóa trong hệ thống. Những chủ thể được khái quát hóa có thể là thầy giáo/học sinh, vợ/chồng, cha mẹ/con cái... Các vai trò này đi kèm với những hành vi điển hình tương ứng và không gắn liền với bất kỳ một cá nhân cụ thể nào. Theo lý thuyết xã hội học nhận thức của Berger và Luckmann, mỗi vai trò nằm trong mối liên hệ chặt chẽ với các vai trò khác, và toàn bộ các vai trò cấu thành nên trật tự thể chế.¹⁹ Từ điểm này có thể thấy, mạng

¹⁸ George H. Mead, *Mind, Self and Society: From the Standpoint of a Social Behaviorist* (Chicago: The University of Chicago Press, 1967).

¹⁹ Peter L. Berger và Thomas Luckmann, *Sự kiến tạo xã hội về thực tại. Khảo luận về xã hội học nhận thức*, Trần Hữu Quang chủ biên dịch thuật, giới thiệu và chú giải, Tủ sách Tinh hoa (Hà Nội: NXB Tri thức, 2015), 113.

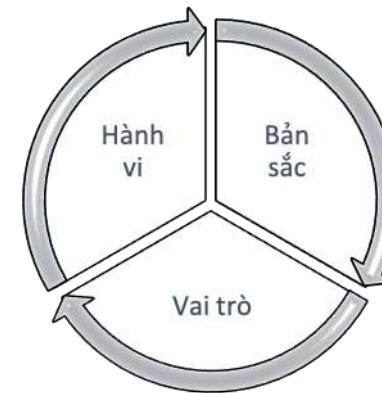
lưới vai trò tạo thành cấu trúc của hệ thống. Vai trò là một yếu tố thuộc phân bố tri thức theo quan điểm của chủ nghĩa kiến tạo. Vai trò có trước bất kỳ một chủ thể riêng lẻ nào.

Có thể ví vai trò trong các thể chế xã hội với những vai diễn trong một vở kịch sân khấu, cùng bảng phân vai cụ thể đi kèm lời thoại và hành động cho từng phân cảnh một. Điểm khác biệt là, khi trình diễn vai trò trong thể chế xã hội (role performance), chủ thể không chỉ tiếp thu các kỳ vọng về hành vi, mà còn nội tại hóa vai trò đó vào kho kinh nghiệm của mình. Việc đóng vai sẽ kích hoạt tình cảm và nhận thức đối với cá nhân, và bằng cách đó thể chế xã hội tạo ra những cái Tôi/Bản ngã (Self) phù hợp với trật tự định chế của nó.²⁰ Ở đây có thể thấy rằng cách tiếp cận này của Berger và Luckmann có tính cấu trúc như chủ nghĩa kiến tạo của Wendt.

Tuy nhiên, quan hệ giữa vai trò và bản sắc không chỉ có tính một chiều như vậy. Khi tiếp nhận một vai trò trong thể chế xã hội, cá nhân diễn giải ý nghĩa và tập hợp hành vi tương ứng của vai trò đó thông qua lăng kính bản sắc của mình, từ đó mỗi cá nhân có cách diễn giải và thực hiện vai trò riêng biệt. Khi thực hiện vai trò qua một thời gian đủ dài, những trải nghiệm, nhận thức, tình cảm được kích hoạt bởi vai trò sẽ được trầm tích hóa vào bản sắc chủ thể. Bản sắc này, đến lượt nó, lại cung cấp khung nhận thức mà cá nhân sử dụng để đánh giá những vai trò mới có thể có trong tương lai. Sự tách biệt hai khái niệm này là ở chỗ, bản sắc là một thuộc tính đơn vị, phụ thuộc trước hết vào đặc trưng nội tại của đơn vị, còn vai trò là một nhân tố cấu trúc có trước đơn vị, được khái quát hóa từ hành vi điển hình của chủ thể điển hình. Sự tương tác giữa vai trò và bản sắc thể hiện tính biện chứng của mối quan hệ đơn vị - cấu trúc: cái này cấu thành cái kia và cùng tạo nên một chỉnh thể vượt trên chúng.

Áp dụng vào QHQT, khi thể và lực của quốc gia thay đổi, nghĩa là sức mạnh vật chất và tầm ảnh hưởng thay đổi, sẽ xuất hiện sự biến đổi trong nhận thức về vị trí và chức năng của nước đó trong hệ thống quốc tế. Biến đổi nhận thức đó có thể phát xuất từ bên trong (giới lãnh đạo, giới tinh hoa, công chúng...) hoặc bên ngoài (quốc gia khác) hoặc từ cả hai phía. Sự thay đổi nhận thức về vai trò quốc gia sẽ kéo theo việc diễn giải những kỳ vọng về hành vi phù hợp với vai trò mới. Sự diễn giải này diễn ra trong khuôn khổ đặc trưng của bản sắc quốc gia, vốn chi phối nhận thức của giới lãnh đạo chính trị và tạo thành cái nền cho cuộc thảo luận chính sách ở trong nước. Kết quả là quốc gia với bản sắc khác nhau sẽ có cách diễn giải vai trò quốc gia khác nhau, do đó sẽ triển khai những chính sách đối ngoại khác nhau nhằm thực thi cùng một dạng vai trò. Mặt khác, tuy đa dạng nhưng chính sách đối ngoại của các quốc gia không thể hoàn toàn khác biệt với kỳ vọng về những hành vi phù hợp với vai trò của cộng đồng quốc tế. Ở chiều ngược lại, việc thực hiện vai trò thông qua triển khai chính sách đối ngoại tương ứng sẽ bổ sung vào thực tiễn tương tác với môi trường tự nhiên và xã hội của quốc gia, qua đó sẽ tác động lên bản sắc quốc gia - dân tộc (xem Hình 1 dưới đây).

Hình 1. Mối quan hệ giữa bản sắc và vai trò



(Tác giả tự tổng hợp)

²⁰ Như trên.

Trường hợp Đức và Pháp trong Liên minh châu Âu

Mối liên hệ giữa bản sắc và vai trò có thể được minh họa bởi thực tiễn chính sách châu Âu của Pháp và Đức, vốn được coi là hai quốc gia lãnh đạo của Liên minh châu Âu. Có một sự khác biệt đáng lưu ý trong cách nhìn nhận của hai nước này đối với vai trò của EU trên thế giới. Tháng 9/2017, trong bài phát biểu tại Đại học Sorbonne (Paris), Tổng thống Pháp Emmanuel Macron đã tuyên bố tham vọng xây dựng một nền “chủ quyền châu Âu” (European sovereignty), trong đó vấn đề quốc phòng với lực lượng can thiệp chung, ngân sách quốc phòng chung và học thuyết hành động chung được nhắc đến đầu tiên trong danh sách gồm sáu vấn đề cốt lõi để hướng đến một châu Âu có chủ quyền.²¹ Chiến lược quốc phòng và an ninh quốc gia của Pháp năm 2017 cũng nêu bật mục tiêu hướng tới tự chủ chiến lược của châu Âu.

Trong khi đó, chính phủ liên minh của Thủ tướng Đức Angela Merkel thời điểm đó lại không hề đề cập gì đến nội dung tự chủ chiến lược này. Theo Detlef Puhl, nguyên quan chức phụ trách thông tin và báo chí Bộ Quốc phòng Liên bang Đức, đa phần người Đức tỏ ra dè dặt với cụm từ “tự chủ chiến lược châu Âu” vì nó quá tham vọng, viển vông và đắt đỏ. Đức muốn nhìn nhận EU như một “lực lượng hoà bình” hơn, ưu tiên các biện pháp can thiệp dân sự hơn là quân sự.²² Ngoài ra, trong mối quan hệ EU - Mỹ kể từ khi EU thành lập, so với Pháp thì Đức luôn có thái độ mềm mỏng và gần gũi với Mỹ hơn. Sự khác biệt trong chính sách đối ngoại của Pháp và Đức kể trên tồn tại xuyên suốt từ sau Chiến tranh Lạnh và có thể được giải thích bởi sự khác biệt trong bản sắc của hai

²¹ “Initiative pour l’Europe - Discours d’Emmanuel Macron pour une Europe souveraine, unie, démocratique.,” *elysee.fr*, 26/9/2017, <https://www.elysee.fr/emmanuel-macron/2017/09/26/initiative-pour-l-europe-discours-d-emmanuel-macron-pour-une-europe-souveraine-unie-democratique>.

²² Detlef Puhl, “Strategic Autonomy for Europe Can Berlin and Paris Agree?,” *Security Policy Working Paper*, no. 8/2018, Federal Academy for Security Policy.

nước, từ đó dẫn tới sự nhìn nhận khác nhau về vai trò của mỗi nước nói riêng và của EU nói chung.

Thật vậy, bản sắc của nước Đức thống nhất sau Chiến tranh Lạnh chịu ảnh hưởng khá lớn bởi cảm giác tội lỗi vì hai cuộc Chiến tranh thế giới thảm khốc mà nước này khởi xướng ở châu Âu trong thế kỷ XX, và bởi cảm giác biết ơn đối với các nước đồng minh, đặc biệt là Mỹ, với sự giúp đỡ mà nước này cung cấp để vực dậy Tây Đức trong giai đoạn sau Chiến tranh thế giới thứ hai.²³ Vấn đề sử dụng vũ lực trong quan hệ quốc tế đã gần như trở thành một điều cấm kỵ ở Đức và nước này đã tiếp nhận vai trò “cường quốc dân sự” mà các người khác quan trọng (significant others) đối với Đức là Mỹ và các nước đồng minh Tây Âu đã gán cho.

Bản sắc của Đức cũng được định hình bởi vị trí địa lý của nước này: trung tâm của châu Âu - một vị trí chiến lược trọng yếu đòi hỏi những chính sách vô cùng cẩn trọng. Điều này khiến nước Đức trở thành một thành viên tích cực trong các thể chế châu Âu và gắn chặt với các giá trị châu Âu như dân chủ, nhân quyền và kinh tế thị trường.²⁴ Ngoài ra, Đức cũng là một thành viên rất nhạy cảm với kỳ vọng và cách đánh giá của đồng minh về mình. Điều này đến từ thực tiễn lịch sử dưới thời Hitler, khi Đức bị cô lập bởi các nước xung quanh, và nỗ lực để được tái chấp nhận vào cộng đồng quốc tế sau chiến tranh. Để tránh bị cô lập một lần nữa, sau Chiến tranh Lạnh, các nhà lãnh đạo Đức tuyên bố nước này ủng hộ nhiệt thành và thậm chí có thể trở thành đầu tàu của tiến trình nhất thể hóa châu Âu.²⁵ Vì không muốn bị cô lập và mong muốn giữ

²³ Florian Boller, Berlin, “We have a problem: Germany’s role adaptation and the transatlantic security community,” in Micheal Grossman et al., *National role conception in a new millennium: defining a place in a changing world* (London: Routledge), 83.

²⁴ Paul Létourneau and Marie-Elisabeth Räkel, “To Be or Not to Be Normal? Germany’s Quest for a New Role in the World”, in Philippe Le Prestre, *Role Quest*, 1997, 84.

²⁵ Như trên, 78.

quan hệ tốt với tất cả các đồng minh, Đức đóng vai trò là cầu nối giữa Pháp (đồng minh châu Âu) và Mỹ (đồng minh NATO).²⁶

Nước Pháp lại có một bản sắc khác. Từ một nền văn hóa có ảnh hưởng hàng đầu châu Âu trong suốt thời kỳ Khai sáng, đến một đế chế có tham vọng thống nhất châu Âu dưới vó ngựa của Napoleon Bonapart, cuối cùng là đất nước hai lần thuộc phe chiến thắng cự thù Đức trong hai cuộc chiến tranh thế giới. Nước Pháp từ trong lịch sử luôn nhìn nhận mình như một chủ thể quan trọng, đặc biệt và duy nhất trên thế giới. Như Alain Peyrefitte, nhà ngoại giao Pháp từng làm việc ở Berlin đã nói trong một cuốn sách của mình: “*Đất nước chúng ta nổi bật hơn phần còn lại [của thế giới] vì thiên chức của nó là vô tư và phổ quát hơn bất kỳ quốc gia nào. Bất cứ khi nào nước Pháp thành thật với chính mình, thì nó nhân văn và phổ quát. Thiên chức của nước Pháp là vì lợi ích chung. Khi hoàn toàn là Pháp, nó trở nên châu Âu nhất và toàn cầu nhất. Nước Pháp có một vai trò lịch sử, một vai trò khiến nó khác với các quốc gia khác. Trong khi các quốc gia khác nỗ lực thu phục nước khác vì lợi ích của mình, nước Pháp thì ngược lại, hành động vì lợi ích của tất cả... Nước Pháp là ánh sáng của thế giới, phẩm chất của nó tỏa sáng khắp thế gian*”.²⁷

Sau Chiến tranh Lạnh, trật tự ở châu Âu dần thay đổi với nước Đức thống nhất ngày càng mạnh lên, trong khi đó quyền lực của Pháp lại suy giảm một cách tương đối. Lúc này, tham vọng của Pháp không còn ở phạm vi toàn cầu nữa mà thu hẹp về châu Âu. Từ đây, các nhà lãnh đạo Pháp nhìn nhận vai trò khu vực của Pháp ở châu Âu sẽ là bước đệm cho nước này vươn ra thế giới.²⁸ Đó là lý do khiến các thế hệ lãnh đạo Pháp kể từ sau Tổng thống De Gaulle đều ít nhiều mong muốn xây dựng một

²⁶ Như trên, 88.

²⁷ Alain Peyrefitte, *C'était de Gaulle - Tome I* [Đó từng là De Gaulle - Tập 1], Editions de Fallois Fayard (Paris: Fayard, 1994).

²⁸ Charles Thumerelle and Philippe G. Le Prestre, “France: The Straitjacket of New Freedom, in Philippe Le Prestre,” *Role Quest*, 1997, 94.

EU tự chủ hơn đối với Mỹ, đặc biệt là trong lĩnh vực an ninh và quốc phòng, vốn là hai lĩnh vực EU vẫn còn phụ thuộc rất nhiều vào đồng minh phía bên kia Đại Tây Dương.

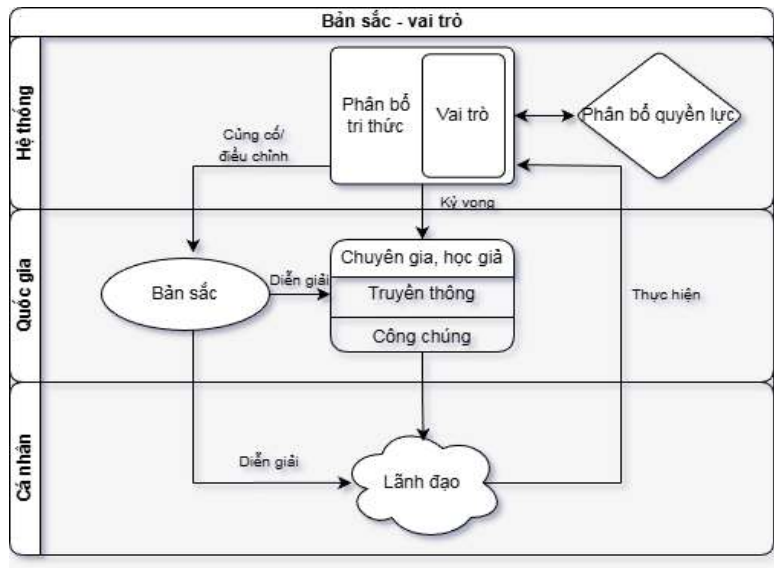
Triển vọng của cách tiếp cận lý thuyết bản sắc - vai trò

Về mặt lý luận, khi được bổ sung sự phân tách bản sắc - vai trò, lý thuyết vai trò có thể đóng góp cho cuộc thảo luận đơn vị - cấu trúc thông qua việc làm rõ sự tương tác giữa quốc gia với hệ thống quốc tế. Theo đó, hệ thống quốc tế có một trật tự được sắp xếp dựa trên phân bổ quyền lực và được duy trì bởi phân bổ tri thức bao gồm tập hợp các vai trò trong hệ thống (siêu cường, cường quốc, quốc gia tầm trung, thể chế quốc tế...). Quốc gia tiếp nhận vai trò từ hệ thống, diễn giải vai trò cùng kỳ vọng về các hành vi tương thích qua lăng kính bản sắc của mình rồi triển khai chính sách đối ngoại phù hợp. Những hành vi đối ngoại của quốc gia như thế sẽ giúp duy trì và “tái tạo” lại hệ thống (vật hóa - reification). Ngược lại sự triển khai chính sách đối ngoại sẽ làm phong phú thực tiễn tương tác với môi trường tự nhiên và xã hội của quốc gia, qua đó tác động vào bản sắc quốc gia. Bản sắc quốc gia này, đến lượt mình, lại tác động đến việc diễn giải các vai trò mới mà quốc gia sẽ tiếp nhận trong tương lai. Quá trình các quốc gia diễn giải vai trò thông qua khuôn khổ bản sắc riêng của mình sẽ không ngừng làm biến đổi nội hàm của vai trò, qua đó cũng tác động đến sự biến đổi của hệ thống.

Về mặt thực nghiệm, cách tiếp cận phân tách bản sắc - vai trò có thể có một số đóng góp quan trọng như giải thích sự thay đổi trong chính sách đối ngoại của các quốc gia, phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến việc hoạch định chính sách đối ngoại... Đặc biệt, với cuộc thảo luận về quốc gia tầm trung đang sôi động hiện nay, lý thuyết vai trò có thể đóng góp một cách tiếp cận lý thuyết tầm trung. Theo đó, “quốc gia tầm trung” là vai trò của hệ thống, bên cạnh các vai trò khác như “siêu cường”,

“cường quốc”... Vai trò “quốc gia tầm trung” bao hàm kỳ vọng về các hành vi phù hợp như gìn giữ hòa bình, trung gian hòa giải, ủng hộ chủ nghĩa đa phương, thúc đẩy giải quyết các vấn đề toàn cầu... Trên thực tiễn, khi quan sát, các nhà nghiên cứu nhận thấy các nước được thừa nhận là quốc gia tầm trung có những hành vi đối ngoại không thống nhất và điển hình. Từ đó các nhà nghiên cứu chia thành hai nhóm là “quốc gia tầm trung truyền thống” (ví dụ như Ca-na-đa) và “quốc gia tầm trung mới nổi” (điển hình là In-đô-nê-xi-a).²⁹ Sự phân loại đó vô hình trung lại làm phức tạp thêm cuộc tranh luận học thuật hiện nay về chủ đề này.³⁰

Mối liên hệ đơn vị - cấu trúc thông qua bản sắc - vai trò có thể được minh họa bằng Hình 2. Sơ đồ lý thuyết dưới đây:



(Tác giả tự tổng hợp)

²⁹ Đỗ Thị Thủy, chủ biên, *Ngoại giao cường quốc tầm trung: Lý thuyết, thực tiễn quốc tế và hàm ý cho Việt Nam* (Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, 2021).

³⁰ Jeffrey Robertson, “Middle-Power Definitions: Confusion Reigns Supreme,” *Australian Journal of International Affairs* 71, no. 4 (July 4, 2017): 355-70.

Dưới góc độ lý thuyết vai trò, có thể hiểu sự khác biệt trong hành vi của những quốc gia tầm trung đến từ quá trình diễn giải trong khuôn khổ bản sắc của mỗi nước. Chẳng hạn, Ca-na-đa có lịch sử gắn kết mạnh mẽ với Mỹ, người khác quan trọng định hình nên bản sắc của Ca-na-đa là Mỹ. Vì thế, khi diễn giải vai trò “quốc gia tầm trung”, Ca-na-đa nhấn mạnh đến dạng hành vi “theo đuôi bá quyền”, “củng cố hòa bình trật tự quốc tế”. Trong khi đó, với vị trí địa lý và lịch sử của mình, In-đô-nê-xi-a dành ưu tiên lớn cho khu vực Đông Nam Á và ASEAN, người khác quan trọng của nước này chính là các nước láng giềng như Ma-lai-xi-a, Đông Ti-mo và ASEAN. Do đó, In-đô-nê-xi-a đã xác định vai trò “thúc đẩy ổn định khu vực” như là một đặc trưng bản sắc của mình.

C. Thies và Sari là một trong những học giả tiên phong áp dụng lý thuyết vai trò vào nghiên cứu quốc gia tầm trung. Hai tác giả này đã đề ra một tập hợp các vai trò chủ đạo (primary) và hỗ trợ (auxiliary) cho vị trí và chức năng “quốc gia tầm trung” của hệ thống.³¹ Cách tiếp cận này, về bản chất, chưa thoát ra khỏi cách tiếp cận lý thuyết truyền thống về quốc gia tầm trung. Một phần nguyên nhân là vì hai tác giả trên chưa có sự phân tách giữa bản sắc và vai trò trong thảo luận lý thuyết của mình.

Kết luận

Như vậy, sự phân tách bản sắc - vai trò có tiềm năng phát triển lý thuyết vai trò và có thể bao hàm một chương trình nghiên cứu với nhiều vấn đề về lý luận và thực nghiệm. Chẳng hạn, cần khảo sát nhận thức chung của các quốc gia về phân bổ vai trò trong hệ thống, bao gồm cả tập hợp kỳ vọng về những hành vi được và không được làm tương ứng với vai trò. Quá trình diễn giải vai trò của giới lãnh đạo, học giả và xã

³¹ Cameron G. Thies and Angguntari C. Sari, “A Role Theory Approach to Middle Powers: Making Sense of Indonesia’s Place in the International System,” *Contemporary Southeast Asia* 40, no. 3 (2018): 397-421.

hội cũng cần được nghiên cứu cụ thể nhằm làm rõ tương tác giữa bản sắc quốc gia và vai trò trong hệ thống quốc tế. Phương pháp nghiên cứu được sử dụng có thể là phân tích diễn ngôn (văn bản, diễn văn...) và phỏng vấn (phỏng vấn chuyên gia, giới lãnh đạo, hoạch định chính sách) vốn quen thuộc trong ngành phân tích chính sách đối ngoại và nghiên cứu vai trò.³² Cách tiếp cận lý thuyết bản sắc - vai trò cũng bổ sung khung phân tích để tích hợp các thực tiễn văn hóa, lịch sử của QHQT ở châu Á và trào lưu nghiên cứu QHQT toàn cầu (Global IR).³³ Đối với Việt Nam, cách tiếp cận lý thuyết bản sắc - vai trò có thể giúp nghiên cứu và phân tích đường lối đối ngoại mang đậm bản sắc dân tộc trong bối cảnh có nhiều biến động mang tính cấu trúc của hệ thống quốc tế hiện nay./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. Nguyễn Hoàng Như Thanh. “Sự thống nhất của các trường phái lý luận quan hệ quốc tế: Mô hình duy lý về hành vi quốc gia.” *Nghiên cứu Quốc tế* 104, số 1 (3/2016).
2. Nguyễn Hoàng Như Thanh và Đỗ Thị Thủy. “Đại tranh luận trong lý luận Quan hệ quốc tế: Sự cáo chung của lý thuyết?” *Nghiên cứu Quốc tế* 129, số 2 (6/2022): 155-79.
3. Peter L. Berger và Thomas Luckmann. *Sự kiến tạo xã hội về thực tại. Khảo luận về xã hội học nhận thức*. Trần Hữu Quang chủ biên dịch

³² Philippe G. Le Prestre, *Role Quests in the Post-Cold War Era: Foreign Policies in Transition*, First Edition (Montreal: McGill-Queen’s University Press, 1997).

³³ Nguyễn Hoàng Như Thanh và Đỗ Thị Thủy, “Đại tranh luận trong lý luận Quan hệ quốc tế: Sự cáo chung của lý thuyết?,” *Nghiên Cứu Quốc Tế* 2, số 129 (6/2022): 155-79.

thuật, giới thiệu và chú giải. Tủ sách Tinh hoa. Hà Nội: NXB Tri thức, 2015.

4. Trần Ngọc Thêm. *Tìm về bản sắc văn hóa Việt Nam: cái nhìn hệ thống - loại hình*. Lần thứ 4. TP. HCM: Nxb. Tổng hợp TP. HCM, 2006.

Tiếng Anh

5. Banchoff, Thomas. “German Identity and European Integration.” *European Journal of International Relations* 5, no. 3 (September 1, 1999): 259-89.
6. Harnisch, Sebastian, Cornelia Frank, and Hanns W. Maull, eds. *Role Theory in International Relations: Approaches and Analyses*, 1st edition. New York: Routledge, 2011.
7. Holsti, K. J. “National Role Conceptions in the Study of Foreign Policy.” *International Studies Quarterly* 14, no. 3 (1970): 233-309.
8. Nabers, Dirk. “Identity and Role Change in International Politics.” In *Role Theory in International Relations*, edited by Sebastian Harnisch, Cornelia Frank, and Hanns W Maull. Routledge, 2011.
9. Prestre, Philippe G. Le. *Role Quests in the Post-Cold War Era: Foreign Policies in Transition*. First Edition. Montreal: McGill-Queen’s University Press, 1997.
10. Walker, Stephen G. *Role Theory and Foreign Policy Analysis*. Durham N.C.: Duke University Press, 1987.
11. Wendt, Alexander. “Anarchy Is What States Make of It: The Social Construction of Power Politics.” *International Organization* 46, no. 2 (1992): 391-425.
12. Wendt, Alexander. *Social Theory of International Politics*. Cambridge: Cambridge University Press, 1999.